TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-ST.
Ngày: 30- 12 -2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa và thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thới.

2. Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang- Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa và thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T1.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Lê Minh N- Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C; nơi cư trú: Số nhà V, đường Đ, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Minh N là đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Vào năm 2020, giữa anh N là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (gọi tắt là Công ty T1) có thỏa thuận miệng với ông Trần Văn C (người nhận sửa chữa Trường tiểu học T2) về việc anh N sẽ đóng laphong các phòng học của Trường tiểu học T2, Phường E, thành phố V, vật tư và nhân công anh N tự cung cấp, khi nào hoàn tất công trình sẽ tính tiền trên tổng m^2 thi công. Khi công trình hoàn tất thì giữa anh N và ông C có làm bảng chiết tính với nhau với tổng số tiền hơn 40.000.000 đồng, nhưng ông C không thanh toán cho anh N mà hứa hẹn và lẫn tránh. Đến ngày 25/4/2021 anh N có gặp ông C thì hai bên kết nợ lại là 41.000.000 đồng nhưng ông C phải trả cho anh thêm 4.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 45.000.000 đồng, ông C đồng ý và có làm biên nhận cho anh hẹn đến ngày 30/8/2021 sẽ trả. Từ khi làm biên nhận cho đến nay ông C vẫn không thanh toán cho Công ty anh N, nên anh N yêu cầu ông C trả cho Công ty T1 số tiền 45.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Công ty T1 yêu cầu ông Trần Văn C trả cho Công ty T1 số tiền 45.000.000 đồng do ông C còn nợ tiền mua vật tư và thi công. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng mua bán hàng hóa và thi công" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 430 Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên nhận ngày 25/4/2021 ông Trần Văn C xác nhận có nợ tiền vật tư công

trình của anh N là 45.000.000 đồng và hẹn ngày 30/8/2021 sẽ trả. Khi đã quá thời hạn trả mà ông C không thanh toán cho Công ty T1 là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty T1 yêu cầu ông C trả nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Công ty T1 là thỏa theo Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

Anh Lê Minh N là giám đốc Công ty T1 thừa nhận trong khoảng 45.000.000 đồng mà ông C nợ có 41.000.000 là nợ tiền vật tư và thi công còn 4.000.000 đồng là tiền lãi cho nên không yêu cầu tính lãi thêm nên ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Văn C phải nộp 2.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1.

Buộc ông Trần Văn C có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Buộc ông Trần Văn C phải nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 theo biên lai thu số N_0 0001431 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Diễm